TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 02 năm 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Cương và ông Hà Văn Viễn.

- Thư ký phiên toà: Bà Cầm Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2025/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐST - HNGĐ ngày 23/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lò Văn Th, sinh năm 1968, địa chỉ: Bản Lẹ, xã Ch S, tỉnh Sơn La, có mặt

Bị đơn: Bà Lò Thị M, sinh năm 1966, địa chỉ: Bản S, xã Ch S, tỉnh Sơn La, có mặt.

Người phiên dịch cho bà Lò Thị M: Ông Cút Văn Chôm, địa chỉ: Tổ dân phố X, xã SM, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nguyên đơn ông Lò Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lò Văn Th và bà Lò Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Hưng, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là xã Ch S, tỉnh Sơn La) vào năm 1992. Tuy nhiên ông đã làm mất giấy đăng ký kết hôn và đề nghị UBND xã Ch S, tỉnh Sơn La rà soát nhưng hồ sơ sổ sách không còn lưu trữ. Sau khi kết hôn 02 vợ chồng ông sống tại bản Lẹ, xã Ch S, tỉnh Sơn La. Thời gian đầu vợ chồng ông sống hạnh phúc với nhau, đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ ông nhận con nuôi, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tranh chấp, bất đồng quan điểm sống ảnh hưởng đến sự nuôi dưỡng và chăm sóc con cái, đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Ông

Thành nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên viết đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lò Thị M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 05 con chung là chị Lò Thị Công, sinh ngày 04/01/1994, Lò Thị Nhân, sinh ngày 12/5/1995, Lò Thị Tươi, sinh ngày 20/11/1996, Lò Thị Vui, sinh ngày 02/02/2000, Lò Thị Hằng, sinh ngày 07/10/2006. Ngoài ra năm 2018 bà và ông Thành có nhận nuôi 01 con là Lường Văn Nghiện, sinh ngày 16/11/1999, không làm thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi theo quy định, đều trên 18 tuổi, đã lập gia đình, có đủ năng lực hành vi dân sự.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Lò Văn Th yêu cầu Toà án chia tài sản chung gồm: Tổng số tiền bán trâu bò là 103.000.000 đồng và số tiền tiết kiệm là 350.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Lò Văn Th đã tự nguyện rút yêu cầu.

Về nợ chung: Ông vay số tiền 5.000.000 đồng của Hội cựu chiến binh để xúc vườn, ông tự nguyện trả toàn bộ số nợ này không yêu cầu bà Mòn phải trả cùng.

Trong biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lò Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lò Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Hưng, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La cũ (nay là xã Ch S, tỉnh Sơn La) vào năm 1992. Tuy nhiên ông Thành đã làm mất giấy đăng ký kết hôn và đề nghị UBND xã Ch S, tỉnh Sơn La rà soát nhưng hồ sơ sổ sách không còn lưu trữ.

Sau khi kết hôn 02 vợ chồng ông sống tại bản Lẹ, xã Ch S, tỉnh Sơn La. Thời gian đầu vợ chồng ông sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, đã nhiều lần được hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay ông Lò Văn Th yêu cầu ly hôn, ý kiến của bà là nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 05 con chung là cháu Lò Thị Công, sinh ngày 04/01/1994, Lò Thị Nhân, sinh ngày 12/5/1995, Lò Thị Tươi, sinh ngày 20/11/1996, Lò Thị Vui, sinh ngày 02/02/2000, Lò Thị Hằng, sinh ngày 07/10/2006. Ngoài ra năm 2018 bà và ông Thành có nhận nuôi 01 con là Lường Văn Nghiện, sinh ngày 16/11/1999, không làm thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi theo quy định. Các cháu đã trên 18 tuổi, đã lập gia đình, các cháu đều có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Lò Thị M không nhất trí với ý kiến của ông Lò Văn Th về việc yêu cầu Toà án chia tài sản chung gồm: Tổng số tiền bán trâu bò là 103.000.000 đồng và số tiền tiết kiệm là 350.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Lò Văn Th đã tự nguyện rút yêu cầu, bà Lò Thị M nhất trí.

Về nợ chung: Cam đoan không có.

Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 08/01/2026 ông Lò Văn Doan, Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh bản Lẹ, xã Ch S, tỉnh Sơn La (từ năm 2019 đến nay) cho biết: Ông Lò Văn Th là thành viên của Chi hội Hội cựu chiến binh bản Lẹ, xã Ch S, tỉnh Sơn La. Sau khi nhận công tác ông có được Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh bản

Lẹ, xã Ch S, tỉnh Sơn La nhiệm kỳ trước bàn giao lại số tiền ông Lò Văn Th vay của Chi hội là 3.000.000 đồng; mục đích vay làm gì thì tôi không rõ; ông cũng không rõ ông Thành vay vào năm nào. Nay ông Thành và bà Mòn ly hôn, ông Thành tự nguyện nhận trả toàn bộ số tiền nợ 3.000.000 đồng mà không yêu cầu bà Mòn trả cùng. Với tư cách là người đại diện của Chi hội Hội cựu chiến binh bản Lẹ, xã Ch S, tỉnh Sơn La ông nhất trí với ý kiến: Cho một mình ông Thành trả nợ, không yêu cầu bà Mòn phải trả nợ cùng; Chi hội Hội cựu chiến binh bản Lẹ, xã Ch S, tỉnh Sơn La không khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Nếu phát sinh tranh chấp Chi hội Hội cựu chiến binh bản Lẹ, xã Ch S, tỉnh Sơn La sẽ yêu cầu giải quyết sau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Lò Văn Th và bà Lò Thị M. Về con chung: Ông Lò Văn Th và bà Lò Thị M có 05 con chung là chị Lò Thị Công, sinh ngày 04/01/1994, Lò Thị Nhân, sinh ngày 12/5/1995, Lò Thị Tươi, sinh ngày 20/11/1996, Lò Thị Vui, sinh ngày 02/02/2000, Lò Thị Hằng, sinh ngày 07/10/2006 (đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự). Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Lò Văn Th về việc đòi chia tài sản chung của ông và bà Mòn gồm: Số tiền bán trâu, bán bò là 103.000.000 (một trăm linh ba triệu) đồng và số tiền tiết kiệm là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng. Về nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Ông Lò Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung với bị đơn có địa chỉ: bản Sòng, xã Ch S, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15;

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa hôm nay và qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Ông Lò Văn Th và bà Lò Thị M cùng khai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Hưng, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La cũ (nay là xã Ch S, tỉnh Sơn La) vào năm 1992. Tuy nhiên ông Thành đã làm mất giấy đăng ký kết hôn và đề nghị

UBND xã Ch S, tỉnh Sơn La rà soát nhưng hồ sơ sổ sách không lưu trữ. Hội đồng xét xử xác định ông bà không có đăng ký kết hôn theo Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình 1986.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của các đương phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chứng tỏ lời khai của các đương sự là đúng sự thật. Việc ông bà không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không quan tâm gì đến nhau; vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau; mâu thuẫn đã được hòa giải nhưng không thành là có thật. Ông Thành yêu cầu Ly hôn, bà Mòn nhất trí ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT - TANDTC- VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Lò Văn Th và bà Lò Thị M.

[3] Về con chung:

Về con đẻ: Trong quá trình chung sống ông bà có 05 con chung là chị Lò Thị Công, sinh ngày 04/01/1994, Lò Thị Nhân, sinh ngày 12/5/1995, Lò Thị Tươi, sinh ngày 20/11/1996, Lò Thị Vui, sinh ngày 02/02/2000, Lò Thị Hằng, sinh ngày 07/10/2006, đều đã trên 18 tuổi, đã lập gia đình, có đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con nuôi: Ông Thành và bà Mòn cùng khai, năm 2018 có nhận nuôi 01 con là Lường Văn Nghiện, sinh ngày 16/11/1999, không làm thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi theo quy định. Ông Thành và bà Mòn không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Lò Văn Th yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của ông và bà Mòn gồm: Tổng số tiền bán trâu, bán bò là 103.000.000 đồng và số tiền tiết kiệm là 350.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông đã rút toàn bộ yêu cầu này. Xét việc rút yêu cầu của ông Lò Văn Th là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về nợ chung: Ông Lò Văn Th khai có nợ 5.000.000 đồng nhưng ông Lò Văn Doan, Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh bản Lẹ, xã Ch S, tỉnh Sơn La không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Ngoài ra ông Thành, bà Mòn cam đoan không có khoản nợ chung nào khác. Trường hợp sau khi giải quyết vụ án có phát sinh tranh chấp và có yêu cầu, sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về án phí: Ông Lò Văn Th phải chịu án phí ly hôn và án phí chia tài sản đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình 1986; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ khoản 1, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 244; khoản 1, 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/ NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Lò Văn Th và bà Lò Thị M.

2. Về con chung: Ông Lò Văn Th và bà Lò Thị M có 05 con chung là chị Lò Thị Công, sinh ngày 04/01/1994, Lò Thị Nhân, sinh ngày 12/5/1995, Lò Thị Tươi, sinh ngày 20/11/1996, Lò Thị Vui, sinh ngày 02/02/2000, Lò Thị Hằng, sinh ngày 07/10/2006 (đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự)

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của ông Lò Văn Th về việc đòi chia số tiền bán trâu, bán bò là 103.000.000 đồng (một trăm linh ba triệu đồng) và số tiền tiết kiệm là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Ông Lò Văn Th có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án khác đối với phần yêu cầu này.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Ông Lò Văn Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.860.000 đồng (mười triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0000820 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La, ông Lò Văn Th được nhận lại số tiền là 10.560.000 đồng (mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Lò Thị M, ông Lò Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/02/2026)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 3 – Sơn La;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Sơn La;
- UBND xã Ch S, tỉnh Sơn La
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mai